UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Lạng Sơn, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN
Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số 342 /QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 15/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Việc xây dựng vị trí việc làm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm xác định số lượng biên chế gắn với từng vị trí việc làm đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ công chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Cán bộ công chức năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức năm 2019;

2. Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21/10/2011 của Chính phủ quy định về Thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;

2. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

3. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

4. Thông tư số 09/2019/TT-BVHTTDL ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

5. Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

6. Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

7. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

8. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

9. Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 15/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

10. Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

11. Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;

12. Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn;

III. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
1	Lãnh đạo, quản lý	1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh: a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh; Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và theo

		phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên; b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên. 2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở: a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao. b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịchđối với tổ chức của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khác đặt trụ sở trên địa bàn. c) Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật; d) Tổng hợp, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đối với ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thực hiện việc thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.
2	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchthực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.
3	Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	- Thanh tra sở: có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, công tác kiểm tra; Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; công tác phòng, chống tham nhũng tiêu cực theo quy định của pháp luật; công tác pháp chế. - Văn phòng sở: có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc sở chỉ đạo, điều hành trong công tác: Kế hoạch; Tổng hợp; tài chính, kế toán; Đầu tư xây dựng cơ bản; hành chính quản trị;

		tổ chức cán bộ; thi đua, khen thưởng; đào tạo bồi dưỡng; văn thư, lưu trữ, bí mật nhà nước,quân sự, dân quân tự vệ; phòng cháy, chữa cháy; an ninh, trật tự nội bộ; cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin, quản trị mạng, quản trị Website, hoạt động thông tin đối ngoại đối với cơ quan Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức trực thuộc Sở.

IV. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Tổng cộng: 55 vị trí việc làm).

1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí

1.1. Vị trí Giám đốc Sở.

1.2. Vị trí Phó Giám đốc Sở.

1.3. Vị trí Chánh Văn phòng Sở.

1.4. Vị trí Trưởng phòng thuộc Sở.

1.5. Vị trí Chánh Thanh tra Sở.

1.6. Vị trí Phó Chánh Văn phòng Sở.

1.7. Vị trí Phó Trưởng phòng thuộc Sở.

1.8. Vị trí Phó Chánh Thanh tra Sở.

2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 20 vị trí

2.1. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý di sản văn hóa.

2.2. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý văn hóa cơ sở *(bao gồm quản lý thư viện; quản lý văn hóa dân tộc; xây dựng nếp sống văn hóa; văn hóa quần chúng; tuyên truyền cổ động; quảng cáo)*.

2.3. Vị trí Chuyên viên chính về văn hóa nghệ thuật *(bao gồm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm)*.

2.4. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý bản quyền tác giả.

2.5. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý lĩnh vực gia đình.

2.6. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý thể dục thể thao cho mọi người.

2.7. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

2.8. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý lữ hành.

2.9. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý lưu trú du lịch.

2.10. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch.

2.11. Vị trí Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa.

2.12. Vị trí Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở.

2.13. Vị trí Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật.

2.14. Vị trí Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình.

2.15. Vị trí Chuyên viên về quản lý bản quyền tác giả.

2.16. Vị trí Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người.

2.17. Vị trí Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

2.18. Vị trí Chuyên viên về quản lý lữ hành.

2.19. Vị trí Chuyên viên về quản lý lưu trú du lịch.

2.20. Vị trí Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch.

3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 23 vị trí.

3.1. Vị trí Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng.

3.2. Vị trí Chuyên viên chính về tổng hợp.

3.3. Vị trí Chuyên viên chính về tài chính.

3.4. Vị trí Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư.

3.5. Vị trí Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực.

3.6. Vị trí Chuyên viên chính về pháp chế.

3.7. Vị trí Thanh tra viên chính về công tác thanh tra.

3.8. Vị trí Chuyên viên về cải cách hành chính.

3.9. Vị trí Chuyên viên về tổng hợp.

3.10. Vị trí Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực.

3.11. Vị trí Chuyên viên về tổ chức bộ máy.

3.12. Vị trí Chuyên viên về thi đua khen thưởng.

3.13. Vị trí Chuyên viên về tài chính.

3.14. Vị trí Chuyên viên về kế hoạch đầu tư.

3.15. Vị trí Kế toán viên .

3.16. Vị trí Kế toán trưởng (phụ trách kế toán).

3.17. Vị trí Văn thư viên .

3.18. Vị trí Chuyên viên về lưu trữ.

3.19. Vị trí Thanh tra viên về công tác thanh tra.

3.20. Vị trí Chuyên viên về công tác thanh tra.

3.21. Vị trí Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3.22. Vị trí Chuyên viên về pháp chế.

3.23. Vị trí Chuyên viên quản lý công nghệ thông tin.

4. Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí.

4.1. Vị trí Nhân viên Phục vụ.

4.2. Vị trí Nhân viên Bảo vệ.

4.3. Vị trí Nhân viên Lái xe.

4.4. Vị trí Nhân viên Kỹ thuật.

(Có bản mô tả công việc từng vị trí việc làm đính kèm Đề án)

V. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Tổng hợp vị trí việc làm và ngạch công chức

1.1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý:

STT	Tên vị trí việc làm
1	Giám đốc Sở
2	Phó Giám đốc Sở
3	Chánh Văn phòng Sở
4	Phó Chánh Văn phòng Sở
5	Trưởng phòng thuộc Sở
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở
7	Chánh Thanh tra Sở
8	Phó Chánh Thanh tra Sở

1.2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành:

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Chuyên viên chính về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý văn hóa cơ sở *(bao gồm quản lý thư viện; quản lý văn hóa dân tộc; xây dựng nếp sống văn hóa;Văn hóa quần chúng; Tuyên truyền cổ động; Quảng cáo)*	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về văn hóa nghệ thuật (*bao gồm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm)*	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý bản quyền tác giả	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên chính

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
8	Chuyên viên chính về quản lý lữ hành	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về quản lý lưu trú du lịch	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên
12	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở	Chuyên viên
13	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật	Chuyên viên
14	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên
15	Chuyên viên về quản lý bản quyền tác giả	Chuyên viên
16	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên
17	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên
18	Chuyên viên về quản lý lữ hành	Chuyên viên
19	Chuyên viên về quản lý lưu trú du lịch	Chuyên viên
20	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên

1.3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về kế hoạch và đầu tư	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính
7	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
8	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
9	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
11	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
12	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên
13	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
14	Chuyên viên về kế hoạch và đầu tư	Chuyên viên
15	Kế toán viên	Kế toán viên
16	Kế toán trưởng (phụ trách kế toán)	
17	Văn thư viên	Văn thư viên
18	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
19	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
20	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
21	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
22	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
23	Chuyên viên quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên

2. Cơ cấu ngạch công chức

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xác định tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch[1], như sau:

- Tỷ lệ ngạch chuyên viên chính và tương đương: 39,5%;

- Tỷ lệ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: 60,5%.

[1] Đối với nhóm lãnh đạo không xác định cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.